

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 91/2022/DS-ST.

Ngày: 02/11/2022.

V/v: “T/c chia di sản thừa kế”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn A**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thành T5

2. Ông Nguyễn Văn D3

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đỗ Thị Mộng T4** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Minh H** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 10 và ngày 02 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2019/TLST- DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2021/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 22/2022/TB-TA ngày 10/10/2022 giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:*

1.1. Bà **Vũ Thị N**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố Đường Hòn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

1.2. Bà **Vũ Thị K**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Vàm Biền, xã Sơn Bình, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

*2/ Bị đơn:* Ông **Vũ Mạnh T**, sinh ngày 13/3/1962 (có mặt).

HKTT: số 14 đường Mạc Đình Chi, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*: Chị **Vũ Thị Kiều T1**, sinh năm 1994 (con ông T - có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 43 đường Phan Đình Phùng, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4/ *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

4.1. Bà Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 1973 (vợ ông T – vắng mặt).

HKTT: số 43 đường Phan Đình Phùng, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4.3. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4.4. Ông Mai Ngọc D1, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4.5. Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố Đường Hòn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4.6. Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI D VỤ ÁN

*\* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị N trình bày như sau:*

Cha của bà Vũ Thị N tên Vũ Đình Sỹ, sinh năm 1941, mất năm 1966 và mẹ tên Phạm Thị Ty, sinh năm 1941, mất năm 2017. Quá trình chung sống cụ Sỹ và cụ Ty sinh được 4 người con chung gồm: Vũ Thị Loan (chết lúc 3 tuổi), Vũ Văn Dân (chết lúc 10 ngày tuổi), Vũ Mạnh T, sinh năm 1962 và Vũ Thị N, sinh năm 1966. Đến năm 1975 thì cụ Ty nhận bà Vũ Thị K, sinh năm 1975 làm con nuôi. Cụ Ty chết không để lại di chúc, tài sản cụ Ty để lại gồm có:

- Tài sản số 1: Phần đất có diện tích là 4.200m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 305, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận QSD đất số BX 048108 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2014 đứng tên bà Phạm Thị Ty. Diện tích đất đo đạc thực tế là 4.800m<sup>2</sup> theo tờ trích đo địa chính số TĐ 25-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai (VPĐKĐĐ) huyện Hòn Đất. Giấy chứng nhận QSD đất bản chính hiện nay chị Vũ Thị Kiều T1 đang quản lý, không thể chấp cho cá nhân và tổ chức nào.

- Tài sản số 2: Phần đất có diện tích là 20.000m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 172, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận QSD đất số AD 703629 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 27/4/2006 đứng tên bà Phạm Thị Ty. Diện tích đo đạc thực tế là 19.276,3m<sup>2</sup> trên phần đất có một căn nhà cấp 4 dùng để thờ cúng ông bà. Căn nhà có diện tích là 115,9m<sup>2</sup>, sân nền diện tích 90,7m<sup>2</sup> cổng rào 41.106m<sup>2</sup>, khu mộ có diện tích là 57,5m<sup>2</sup> và đường vào khu mộ diện tích 100,8m<sup>2</sup> theo tờ trích đo địa chính số TĐ 24-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Hòn Đất. Giấy chứng nhận QSD đất bản chính hiện nay bà Vũ Thị N đang quản lý, không thể chấp cho cá nhân và tổ chức nào.

- Tài sản số 3: Số tiền mặt 320.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24 kara (hiện nay ông T quản lý).

Hiện ông T đang quản lý, sử dụng toàn bộ các tài sản trên. Do đó bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia di sản mà cụ Ty để lại thành 3 phần, bà N, bà K và ông T mỗi người được hưởng 1 phần.

Tại phiên tòa bà Vũ Thị N yêu cầu chia toàn bộ tài sản cụ Ty để lại làm 3 phần. Đối với tài sản số 1 và tài sản số 2 bà N yêu cầu được nhận bằng hiện vật theo Tờ trích đo địa chính số 24-2022 và số 25-2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất. Đối với tài sản 3 bà N yêu cầu được nhận bằng giá trị.

*\* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị K trình bày như sau:*

Năm 1975 bà Vũ Thị K được cụ Phạm Thị Ty nhận về làm con nuôi. Ngoài bà ra thì cụ Sỹ và cụ Ty còn có hai người con tên Vũ Mạnh T, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1966. Cụ Sỹ chết vào năm 1966, còn mẹ bà chết năm 2017. Khi chết mẹ bà không để lại di chúc, tài sản cụ Ty để lại gồm:

- Tài sản số 1: Phần đất có diện tích là  $4.200m^2$ , thuộc thửa số 305, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận QSD đất số BX 048108 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2014 đứng tên bà Phạm Thị Ty. Diện tích đất đo đạc thực tế là  $4.800m^2$ , theo tờ trích đo địa chính số TĐ 25-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất. Giấy chứng nhận QSD đất bản chính hiện nay chị Vũ Thị Kiều T1 đang quản lý.

- Tài sản số 2: Phần đất có diện tích là  $20.000m^2$ , thuộc thửa số 172, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận QSD đất số AD 703629 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 27/4/2006 đứng tên bà Phạm Thị Ty. Diện tích đo đạc thực tế là  $19.276,3m^2$ , trên phần đất có một căn nhà cấp 4 dùng để thờ cúng ông bà. Căn nhà có diện tích là  $115,9m^2$ , sân nền diện tích  $90,7m^2$  cổng rào  $41.106m^2$ , đường vào khu mộ  $1008, m^2$  và khu mộ có diện tích là  $57,5m^2$ . Theo tờ trích đo địa chính số TĐ 24-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất. Giấy chứng nhận QSD đất bản chính hiện bà N đang quản lý, không thể chấp cho cá nhân hoặc tổ chức nào.

- Tài sản số 3: Số tiền mặt 320.000.000 đồng (tiền cụ Ty bán đất để lại) và 03 chỉ vàng 24 kara (hiện nay ông T quản lý).

Tại phiên tòa bà Vũ Thị K yêu cầu chia toàn bộ tài sản cụ Ty để lại làm 3 phần. Đối với tài sản số 1 và tài sản số 2 bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật theo Tờ trích đo địa chính số 24-2022 và số 25-2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất. Đối với tài sản số 3 bà K yêu cầu được nhận bằng giá trị.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Mạnh T trình bày như sau:*

Ông Vũ Mạnh T là con của cụ Vũ Đình Sỹ và cụ Phạm Thị Ty. Quá trình chung sống cha mẹ ông sinh được 4 người con gồm: Vũ Thị Loan (chết lúc 3 tuổi), Vũ Văn Dân (chết lúc 10 ngày tuổi), Vũ Mạnh T, sinh năm 1962 và Vũ Thị N, sinh năm 1966. Đến năm 1975 thì mẹ của ông mới nhận thêm bà Vũ Thị K làm con nuôi. Cha ông chết năm 1966, mẹ ông chết vào năm 2017 không để lại di chúc. Tài sản cha mẹ ông để lại gồm có các tài sản từ số 1 đến số 3 như bà N và bà K trình bày là đúng.

Khi chết toàn bộ phần tài sản trên tuy cụ Ty không để lại di chúc nhưng cụ Ty đã định đoạt trước đó. Cụ thể phần tài sản số 1 cụ Ty đã cho chị Vũ Thị Kiều T1, chị T1 đang quản lý giấy chứng nhận QSD đất và hiện đang cho Phạm Văn T3 thuê. Tài sản số 2 thì cụ Ty đã cho ông, nhưng đến năm 2014 thì cụ Ty lại bán cho bà Nguyễn Thị Ngọc D diện tích là 2.000m<sup>2</sup> (thuộc thửa số 172) với giá là 70.000.000 đồng, việc chuyển nhượng đất cho bà D các con ai cũng biết và đều thừa nhận nhưng chưa làm thủ tục tách thửa cho bà D, phần còn lại thì ông T đang cho ông Mai Ngọc D1 thuê mỗi năm là 5.500.000 đồng từ lúc bà Ty chết cho đến nay, số tiền này ông T là người nhận.

Riêng tài sản số 3 là số tiền mặt 320.000.000 đồng, phía bà N và bà K cho rằng ông T giữ là không đúng. Nguồn gốc của số tiền này là cụ Ty bán phần đất 14 công ở kênh 5 được 600.000.000 đồng, cụ Ty cho bà K 300.000.000 đồng và sử dụng 120.000.000 đồng để làm đường, làm cống... cụ Ty chỉ giao cho ông số tiền là 200.000.000 đồng. Khi cụ Ty chết ông T đã sử dụng số tiền 150.531.000 đồng để chi tiền viện phí, tiền mai táng phí, tiền xây mộ, cúng tuần... . Số tiền còn lại là 49.469.000 đồng cùng với tiền viếng (113.190.000đ), tiền túi áo (1.452.000đ), tiền

lãnh mai táng TBXH (25.000.000đ) và 03 chỉ vàng 24ra (cắt bỏ miệng 5p lúc liệm, còn 2,5 chỉ = 9.000.000đ), tổng cộng ông T còn đang giữ số tiền là 198.111.000 đồng. Đến tháng 02 năm 2021 ông sử dụng thêm 53.000.000 đồng để đổ đất và sửa chữa nhà thờ cúng. Hiện tại ông T còn giữ số tiền là 145.111.000 đồng, số tiền này ông T đang giữ để làm quỹ tu bổ nhà cửa thờ cúng, mồ mả.

Việc bà N và bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế mà cụ Ty để lại làm ba phần thì ông T không đồng ý. Do tài sản số 1 và số 2 thì cụ Ty đã cho chị T1 và ông T từ trước, mặc dù chưa thực hiện thủ tục sang tên, còn số tiền mặt 145.111.000 đồng ông đang giữ thì ông giữ để làm quỹ tu bổ mồ mả và sửa chữa nhà thờ cúng nên không đồng ý chia. Mặt khác khi còn sống bà N, bà K và các con của họ đều đã được cụ Ty cho tài sản nhưng bán hết, phần tài sản này là của ông và con ông nên ông không đồng ý chia.

*\* Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 12/11/2019 chị Vũ Thị Kiều T1 trình bày như sau:*

Trước khi bà nội của chị (tức cụ Ty) chết thì cụ có cho chị T1 phần đất có diện tích là 4.200m<sup>2</sup> (tài sản số 1), việc cho không có giấy tờ gì nhưng bà N, bà K và ông T đều biết, hiện chị đang quản lý giấy chứng nhận QSD đất đối với tài sản nêu trên, còn đất thì hiện đang cho ông Phạm Văn T3 thuê, chị là người lấy tiền thuê đất hàng năm. Nay bà N và bà K khởi kiện yêu cầu chia phần tài sản nêu trên thì chị không đồng ý, vì cụ Ty đã cho chị trước khi chết, mặt khác bà K và bà N đều đã được cho tài sản trước đó. Do đó chị T1 yêu cầu công nhận phần đất trên cho chị quản lý, sử dụng.

*\* Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 01/7/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích T2 trình bày như sau:*

Ông Vũ Mạnh T là chồng của bà, tài sản bà N và bà K đang tranh chấp với ông T có nguồn gốc là của mẹ chồng bà, các tài sản tranh chấp này không có liên quan gì đến bà, nên bà không có ý kiến gì. Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 01/7/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T3 trình bày như sau:*

Từ năm 2011 cho đến nay ông đã thuê phần đất có diện tích 4200m<sup>2</sup> của cụ Ty với giá 2.500.000 đồng/công/năm thành tiền là 5.500.000 đồng/năm. Sau khi cụ Ty chết thì ông giao tiền thuê đất cho vợ chồng ông T. Việc các đương sự tranh chấp với nhau như thế nào đối với phần đất trên thì ông không có ý kiến. Nếu sau này Tòa án giải quyết phần đất này thuộc về ai thì ông sẽ tiếp tục thuê của người đó, nếu không cho ông thuê nữa thì ông sẽ trả lại. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời ông xin được vắng mặt tại các buổi xét xử của vụ án này.

*\* Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 01/7/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Ngọc D1 trình bày như sau:*

Ông thuê đất của cụ Ty phần đất khoảng 12 công tầm lớn với giá 24.000.000 đồng/năm, ông thuê hơn 17 năm nay. Từ khi cụ Ty chết thì ông giao tiền thuê đất cho vợ chồng ông T, có khi thì ông T nhờ vợ chồng ông mua đồ lo cho các đám giỗ hàng năm bên nhà ông T. Việc các đương sự tranh chấp với nhau như thế nào đối với phần đất trên thì ông không có ý kiến. Nếu sau này Tòa án giải quyết phần đất này thuộc về ai thì ông sẽ tiếp tục thuê của người đó, nếu không cho thuê thì ông sẽ trả lại. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời ông xin được vắng mặt tại các buổi xét xử của vụ án này.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày như sau:*

Vào năm 2014 tôi có mua của bà Phạm Thị Ty (mẹ của ông T) diện tích đất là 2.000m<sup>2</sup> (thuộc tài sản 2) với giá 70.000.000 đồng. Tôi mua khi bà Ty còn sống, phần đất này hiện nay tôi vẫn đang quản lý, sử dụng mặc dù chưa sang tên. Tôi nghĩ do là chỗ hàng xóm với nhau nên khi mua hai bên không làm giấy tờ gì cả. Nay các bên tranh chấp thì tôi yêu cầu Tòa án giữ nguyên phần đất này cho tôi quản lý, sử dụng do tôi đã mua.

Tuy nhiên phần đất này các bên đương sự không có tranh chấp nên bà D có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập và xin được vắng mặt tại các phiên tòa.

\* Tình tiết các đương sự thống nhất: Các đương sự thống nhất Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/12/2021 của TAND huyện Hòn Đất, Tờ trích đo địa chính số 24-2022, số 25-2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất và kết quả thẩm

định giá của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam để làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu Tòa án đo đạc và định giá lại phần đất tranh chấp.

*\* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N, bà Vũ Thị K. Đối với tài sản số 1 đề nghị HĐXX chia cho bà N, bà K, ông T mỗi người một phần đất có diện tích là 1.600m<sup>2</sup> theo tờ trích đo địa chính số 25-2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, ông T được quản lý và sử dụng thửa số 1, bà N được quản lý và sử dụng thửa số 2, bà K được quản lý và sử dụng thửa số 3.

Đối với tài sản số 2 đề nghị HĐXX căn cứ theo trích đo địa chính số 24-2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất. Chia phần đất có diện tích 6.425,5m<sup>2</sup> tại thửa số 1 cho ông Vũ Mạnh T quản lý, sử dụng. Chia phần đất có diện tích 6.425,4m<sup>2</sup> tại thửa số 2 cho bà Vũ Thị N quản lý, sử dụng và chia phần đất có diện tích 6.425,4m<sup>2</sup> tại thửa số 3 cho bà Vũ Thị K quản lý, sử dụng. Trên phần đất tại thửa 2 mà bà N được hưởng có căn nhà gắn liền với đất, đường vào khu mộ và khu mộ, tại phiên tòa bà N và bà K không yêu cầu chia mà để làm nhà thờ cúng nên đề nghị HĐXX buộc phía ông T và bà K phải trả cho bà N giá trị tài sản theo kết quả định giá đối với phần tài sản mà ông T và bà K được hưởng nhiều hơn).

Đối với tài sản số 3 với số tiền là 145.111.000 đồng hiện ông T đang quản lý, buộc ông T giao cho bà N số tiền là 48.370.000 đồng, buộc ông T giao cho bà K số tiền là 48.370.000 đồng, tương đương 1 kỳ phần mà bà N và bà K được hưởng.



Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của chị Vũ Thị Kiều T1 về việc yêu cầu công nhận phần đất có diện tích là 4.200m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 305, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận QSD đất số BX 048108 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2017 tên Phạm Thị Ty. Diện tích đất đo đạc thực tế là 4.800m<sup>2</sup> theo tờ trích đo địa chính số TĐ 25-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc D do bà D có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra buộc các đương sự phải chịu án phí, chi phí đo đạc và định giá theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Phạm Thị Ty để lại. Tài sản tranh chấp tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về di sản thừa kế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm chị Vũ Thị Kiều T1, bà Nguyễn Thị Bích T2, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Phạm Văn T3, ông Mai Ngọc D1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất, Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội D vụ án*: Ông Vũ Mạnh T, bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K là con của cụ Vũ Đình Sỹ và cụ Phạm Thị Ty. Cụ Sỹ chết năm 1966, cụ Ty chết năm 2017 nhưng không để lại di chúc. Tài sản cụ Ty để lại gồm có:

- Tài sản số 1: Diện tích đất là 4.200m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 305, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận QSD đất số BX 048108 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Hòn Đất cấp

ngày 31/12/2014 tên Phạm Thị Ty. Giấy chứng nhận QSD đất hiện chỉ T1 đang quản lý, không thể chấp cho cá nhân hoặc tổ chức nào.

- Tài sản số 2: Diện tích đất thuộc thửa số 299, tờ bản đồ số 1, theo đo đạc thực tế là 19.276,3m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, nằm trong giấy chứng nhận QSD đất số AD 703629 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 27/4/2006 tên Phạm Thị Ty. Giấy chứng nhận QSD đất hiện bà Vũ Thị N đang quản lý, không thể chấp cho cá nhân hoặc tổ chức nào. Gắn liền với diện tích đất thuộc thửa số 299 có 01 căn nhà thờ cúng ông bà, trong đó gồm: Nhà ở diện tích 115,9m<sup>2</sup>, sân nền diện tích 90,7m<sup>2</sup> và cổng rào 41,106m<sup>2</sup>, lối đi vào khu mộ 100,8m<sup>2</sup> và khu mộ có diện tích là 57,5m<sup>2</sup>.

- Tài sản số 3: Số tiền mặt 320.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24 kara.

Các đương sự xác nhận ngoài số tài sản nêu trên thì cụ Ty không còn để lại tài sản nào khác.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà N và bà K cho rằng khi chết cụ Ty không để lại di chúc, các tài sản này hiện nay phía ông T đang quản lý sử dụng. Trong khi đó ông T cho rằng các tài sản trên cụ Ty đã định đoạt trước khi chết, cụ thể tài sản số 1 cụ Ty đã cho chị T1, tài sản số 2 cụ Ty đã cho ông T. Riêng tài sản 3 hiện nay chỉ còn 145.111.000 đồng, số tiền này ông T giữ lại để chi phí cho việc thờ cúng, tu sửa mộ mả ông bà, cha mẹ và không đồng ý chia nên các bên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Xét về tính hợp pháp của việc yêu cầu chia di sản: Cụ Sỹ chết năm 1966 và cụ Ty chết năm 2017. Trong thời gian còn sống phía cụ Ty tạo lập được các tài sản từ số 1 đến tài sản số 3, khi chết cụ Ty không để lại di chúc, sự việc này đều được các con của cụ Ty thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc cụ Ty có để lại di chúc. Như vậy HĐXX có căn cứ để xác định rằng khi chết cụ Ty không để lại di chúc để định đoạt các tài sản của mình.

Tại Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. Thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp sau đây:

*a) Không có di chúc;*

*b) Di chúc không hợp pháp;*

*c) Những người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế;*

*d) Những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc mà không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.”*

Đối chiếu với quy định nêu HĐXX xác định di sản của cụ Ty phải chia theo pháp luật, do không có di chúc. Như vậy việc nguyên đơn có yêu cầu được chia di sản thừa kế do cụ Ty để lại là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[3.2] Xét về hàng thừa kế: Cụ Sỹ và cụ Ty có 5 người con gồm: Vũ Thị Loan (chết lúc 3 tuổi), Vũ Văn Dân (chết lúc 10 ngày tuổi), ông Vũ Mạnh T, bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K (con nuôi), ngoài ra cụ Ty và cụ Sỹ không còn con chung hoặc con riêng nào khác, cha mẹ của cụ Ty hiện nay đều đã chết. Vũ Thị Loan và Vũ Văn Dân chết khi còn nhỏ. Như vậy HĐXX xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ty bao gồm: ông Vũ Mạnh T, bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K.

[3.3] Xét về tính hợp pháp của di sản thừa kế: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa HĐXX xác định di sản cụ Ty để lại gồm có:

- Tài sản số 1: Phần đất có diện tích là 4.200m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 305, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận QSD đất số BX 048108 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2017 tên Phạm Thị Ty. Diện tích đất đo đạc thực tế là 4.800m<sup>2</sup>, trong đó gồm 3 thửa: Thửa 1 diện tích: 1.600m<sup>2</sup>, bao gồm cạnh 1-2-3-4-5-6; Thửa 2 diện tích: 1.600m<sup>2</sup>, bao gồm cạnh 2-7-8-9-4-3 và thửa 3 diện tích: 1.600m<sup>2</sup>, bao gồm cạnh 7-10-11-12-9-8 theo tờ trích đo địa chính số TĐ 25-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất.

- Tài sản số 2: Phần đất có diện tích là 20.000m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 299, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang,

nằm trong giấy chứng nhận QSD đất số AD 703629 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 27/4/2006 đứng tên cụ Phạm Thị Ty. Diện tích đo đạc thực tế là 19,276,3m<sup>2</sup>. Trên phần đất có xây dựng một căn nhà cấp 4 dùng để thờ cúng ông bà. Căn nhà có diện tích là 115,9m<sup>2</sup>, sân nền diện tích 90,7m<sup>2</sup>, cổng rào 41,106m<sup>2</sup>, đường vào khu mộ diện tích 100,8m<sup>2</sup> và khu mộ có diện tích là 57,5m<sup>2</sup>. Theo tờ trích đo địa chính số TĐ 24-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất.

Riêng phần đất tại thửa số 172, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.000m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, cũng nằm trong giấy chứng nhận QSD đất số AD 703649 thì các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết và không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Tài sản số 1 và tài sản số 2 đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sở hữu nên đây là tài sản hợp pháp.

- Tài sản số 3: Tại phiên tòa ông T khai nhận trước khi chết cụ Ty có giao cho ông số tiền mặt là 200.000.000 đồng. Ông T đã sử dụng 150.531.000 đồng để chi tiền viện phí, tiền mai táng phí, tiền xây mộ, cúng tuần.... còn lại 49.469.000 đồng cùng với tiền viếng (113.190.000đ), tiền túi áo (1.452.000đ), tiền lãnh mai táng TBXH (25.000.000đ) và 2.5 chỉ vàng (cắt bỏ miệng 5p lúc liệm – 9.000.000đ), tổng cộng là 198.111.000 đồng. Đến tháng 2/2020 ông T sử dụng thêm 53.000.000 đồng cho việc tôn tạo đất và sửa chữa căn nhà thờ cúng nằm trên tài sản 2. Như vậy số tiền còn lại ông T đang giữ là 145.111.000 đồng. Nguyên đơn bà N và bà K cho rằng ông T đang giữ số tiền 320.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24kra tuy nhiên nguyên đơn lại không có chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng, trong khi ông T không thừa nhận. Tại phiên tòa ngày 02/11/2022 bà N và bà K xin rút yêu cầu chia di sản đối với 03 chỉ vàng 24kra, đồng thời thống nhất xác định tài sản số 3 cụ Ty để lại là số tiền 145.111.000 đồng (ông T đang quản lý) để yêu cầu chia di sản. Do đó HĐXX xác định tài sản số 3 cụ Ty để lại là số tiền mặt 145.111.000 đồng.

[3.4] Xác định giá trị cụ thể của di sản thừa kế:

- Tài sản 1: Theo tờ trích đo địa chính số TĐ 25-2022 trong diện tích đất 4.800m<sup>2</sup> có 600m<sup>2</sup> là đất thuộc hành lang bảo vệ công trình thủy lợi. Như vậy tài sản số 1 sau khi trừ đi phần đất thuộc hành lang bảo vệ công trình thủy lợi còn lại là

4.200m<sup>2</sup>. Hội đồng xét xử xác định diện tích đất 4.200m<sup>2</sup> là tài sản số 1 có giá trị theo kết quả định giá của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định Miền Nam là 298.200.000 đồng.

Tại phiên tòa bà N và bà K rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với giá trị căn nhà và vật kiến trúc, tài sản gắn liền với căn nhà tại thửa số 2 (tổng diện tích là: 115,9m<sup>2</sup>), không yêu cầu chia phần đất có khu mộ 57,5m<sup>2</sup> và đường vào khu mộ có diện tích 100,8m<sup>2</sup> mà giữ lại để thờ cúng ông bà, đồng thời không yêu cầu xem xét giải quyết giá trị đối với các loại cây trồng có trên đất. Như vậy tài sản số 2 sau khi trừ đi phần đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ 180m<sup>2</sup> thì tài sản số 2 còn lại có diện tích là: 19.096,3m<sup>2</sup>. Hội đồng xét xử xác định diện tích đất 19.096,3 m<sup>2</sup> là tài sản số 2 có giá trị theo kết quả định giá của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định Miền Nam là 1.584.992.900 đồng.

- Tài sản số 3: Số tiền mặt là 145.111.000 đồng.

Tổng di sản cụ Ty để lại có giá trị là: 2.028.303.900đồng.

Căn cứ vào hàng thừa kế thì di sản của cụ Ty được chia thành 3 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế gồm ông Vũ Mạnh T, bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K. Tại phiên tòa bà N và bà K yêu cầu được nhận hiện vật đối với tài sản số 1 và 2, tài sản số 3 yêu cầu được nhận bằng giá trị.

Theo tờ trích đo địa chính số TĐ 25-2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất thì tài sản số 1 có tổng diện tích là 4.800m<sup>2</sup>, trong đó gồm 3 thửa: Thửa 1 diện tích: 1.600m<sup>2</sup>, bao gồm cạnh 1-2-3-4-5-6; Thửa 2 diện tích: 1.600m<sup>2</sup>, bao gồm cạnh 2-7-8-9-4-3 và thửa 3 diện tích: 1.600m<sup>2</sup>, bao gồm cạnh 7-10-11-12-9-8. Thửa 1 có diện tích 200,1m<sup>2</sup> thuộc hành lang bảo vệ công trình thủy lợi (BVCTTL), thửa 2 có diện tích 200,3m<sup>2</sup> thuộc hành lang BVCTT và thửa 3 có diện tích 199,6m<sup>2</sup> thuộc hành lang BVCTT.

Theo tờ trích đo địa chính số TĐ 24-2022 của Chi nhánh VP đăng ký đất đai huyện Hòn Đất thì tài sản số 1 có tổng diện tích là 19.276,3m<sup>2</sup>, trong đó gồm 3 thửa: Thửa 1 diện tích: 6.425,5m<sup>2</sup>, bao gồm cạnh 1-2-3-4-5-6-7; Thửa 2 diện tích: 6.425,5m<sup>2</sup>, bao gồm cạnh 2-8-9-10-4-3 và thửa 3 diện tích: 6.425,5m<sup>2</sup>, bao gồm cạnh 8-11-12-13-14-10-9. Thửa 1 có diện tích 66,3m<sup>2</sup> thuộc hành lang an toàn giao thông

(HLATGT), thửa 2 có diện tích  $58,1\text{m}^2$  thuộc HLATGT và thửa 3 có diện tích  $55,6\text{m}^2$  thuộc HLATGT.

Di sản của cụ Ty sẽ được chia cho các đồng thừa kế như sau:

- Tài sản số 1: Tại phiên tòa bà N và bà K yêu cầu được nhận bằng hiện vật, tuy nhiên xét thấy phần đất này chị T1 và ông T đang quản lý và hiện cho ông T3 thuê để sản xuất nông nghiệp, phần đất trên sau khi trừ đi đất thuộc hành lang BVCTT chỉ còn diện tích là  $4.200\text{m}^2$ , nếu chia đều phần đất này thành 03 phần bằng nhau, mỗi người sử dụng diện tích là  $1.400\text{m}^2$  sẽ gây khó khăn trong quá trình sản xuất nông nghiệp, gây ảnh hưởng đến việc sử dụng đất do đó HĐXX xem xét cần thiết giữ nguyên hiện trạng ông T tiếp tục quản lý và sử dụng là phù hợp với thực tế khách quan. Ông Vũ Mạnh T phải giao cho bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K mỗi người số tiền là 99.400.000 đồng theo kết quả định giá tương đương với 1 kỷ phần mà bà N và bà K được hưởng.

Tạm giao tổng diện tích  $600\text{m}^2$  nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi cho ông Vũ Mạnh T tiếp tục quản lý sử dụng.

Tài sản số 2: Chia ông Vũ Mạnh T toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất tại thửa 2 với diện tích sau khi trừ đi tổng diện tích căn nhà, sân, cổng rào, đường vào khu mộ và khu mộ ( $264,5\text{m}^2$ ) là:  $6.100,9\text{m}^2$ . Xét thấy phần đất tại thửa 2 gắn liền với căn nhà diện tích là  $115,9\text{m}^2$ , phần sân nền diện tích  $90,7\text{m}^2$ , cổng rào diện tích  $41,106\text{m}^2$ , khu mộ  $57,5\text{m}^2$  và đường vào khu mộ có diện tích  $100,8\text{m}^2$  cùng các cây trồng gắn liền trên đất, trong khi bà N và bà K không yêu cầu HĐXX giải quyết nên Hội đồng xét xử giữ nguyên hiện trạng tạm giao cho ông Vũ Mạnh T tiếp tục quản lý. Đồng thời tạm giao cho ông T tiếp tục quản lý phần đất có diện tích  $58,1\text{m}^2$  nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ.

- Chia cho bà Vũ Thị N toàn quyền quản lý và sử dụng phần đất tại thửa 1 với diện tích  $6.365,4\text{m}^2$  cùng các cây trồng gắn liền trên đất. Tạm giao cho bà N tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích  $66,3\text{m}^2$  nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ.

- Chia cho bà Vũ Thị K toàn quyền quản lý và sử dụng phần đất tại thửa 3 với diện tích sau khi trừ đi  $9,7\text{m}^2$  gắn liền với căn nhà tại thửa 2 là:  $6.355,7\text{m}^2$  cùng các

cây trồng gắn liền trên đất. Tạm giao cho bà K tiếp tục quản lý sử dụng phần đất có diện tích 55,6m<sup>2</sup> nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ.

Đối với phần đất có diện tích là 100,8m<sup>2</sup>, xét thấy để thuận tiện cho việc thờ cúng thì từ căn nhà cần phải có lối đi chung đến khu mộ nên Hội đồng xét xử xem xét dành riêng phần đất 100,8m<sup>2</sup> để làm lối đi chung vào khu mộ.

Tổng diện tích tài sản 2 là 19.906,3m<sup>2</sup> được chia đều làm 3 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 6.365,4m<sup>2</sup>. Tuy nhiên theo thực tế thì phần đất mà bà N, bà K và ông T được nhận lại có sự chênh lệch. Cụ thể ông T chỉ được hưởng diện tích đất là 6.100,9m<sup>2</sup>, trong khi bà N được hưởng diện tích đất là 6.365,4m<sup>2</sup>, bà K được hưởng diện tích đất là 6.355,7m<sup>2</sup>. Do đó cần buộc bà N và bà K phải trả cho ông T giá trị phần đất được hưởng nhiều hơn. Cụ thể bà N và bà K phải trả cho ông T giá trị phần đất chênh lệch được hưởng là 21.953.000 đồng (265,5m x 83.000 đồng/m<sup>2</sup>).

Tại thửa số 3 có diện tích 9,7m<sup>2</sup> gắn liền với căn nhà nằm trên phần đất tại thửa số 2 của tài sản số 2. Tuy nhiên bà K không yêu cầu bà N và ông T phải trả lại giá trị phần được hưởng nhiều hơn nên Hội đồng xử xét không xem xét.

- Tài sản số 3: Số tiền mặt 145.111.000 đồng hiện ông T đang quản lý nên cần buộc ông Vũ Mạnh T phải giao cho bà N và bà K mỗi người số tiền là 48.370.000 đồng tương đương với 1 kỷ phần họ được hưởng.

[3.5] Đối với phần cây trồng trên đất: Xét thấy bà N và bà K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3.6] Xét yêu cầu độc lập của chị Vũ Thị Kiều T1: Chị T1 yêu cầu công nhận phần đất có diện tích là 4.200m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 305, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận QSD đất số: BX 048108 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2014 tên Phạm Thị Ty cho chị quản lý, sử dụng do phần đất này là cụ Ty cho chị khi cụ còn sống. Tuy nhiên chị T1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của chị là đúng, mặt khác việc này cũng không được hàng thừa kế thứ nhất của bà Ty thừa nhận. Do đó yêu cầu khởi kiện độc lập của chị là không có căn cứ để được HĐXX xem xét chấp nhận. Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của chị Vũ Thị Kiều T1. Buộc chị T1

phải giao trả lại giấy chứng nhận QSD đất số BX 048108 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2014 tên Phạm Thị Ty cho ông Vũ Mạnh T quản lý.

Riêng phần đất có diện tích 2.000m<sup>2</sup> tại thửa số 299, tờ bản đồ số 01 nằm trong giấy chứng nhận QSD đất số AD 703629 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc D, việc mua bán được hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ty thừa nhận và không tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án phía bà D đã tự nguyện rút yêu cầu độc lập nên HĐXX đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Tại phiên tòa ông T thừa nhận từ khi cụ Ty chết cho đến nay ông không trực tiếp canh tác, cải tạo đất mà cho người khác thuê và nhận tiền thuê đất hàng năm. Do đó HĐXX không xem xét đến công sức đóng góp, cải tạo của ông T đối với di sản của cụ Ty để lại.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ để được HĐXX xem xét chấp nhận một phần trong quá trình nghị án.

*[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:*

- Lần 1: Tổng cộng số tiền là 7.949.000 đồng. Trong đó bao gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.449.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0001244 của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Hòn Đất và chi phí định giá tài sản là 5.500.000 đồng theo phiếu thu ngày 17/5/2021 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam.

- Lần 2: Tổng cộng số tiền là 14.676.000 đồng. Trong đó bao gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.076.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 00000639 và 00000640 của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Hòn Đất và chi phí định giá tài sản là 6.600.000 đồng theo phiếu thu ngày 04/6/2022 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam.

Tổng cộng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 22.625.000 đồng. Do ông T, bà N và bà K đều được hưởng một kỷ phần di sản thừa kế bằng nhau nên ông T, bà N và bà K mỗi người phải chịu 1/3 số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.541.000 đồng (22.625.000:3). Buộc ông T và bà K mỗi người phải trả lại cho bà N số tiền là 7.541.000 đồng (do bà N đã tạm ứng trước đây).



[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bà Vũ Thị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với kỹ phần thừa kế được hưởng là 31.044.000 đồng ( $676.098.200 \text{ đồng} = 20.000.000\text{đ} + 4\% (276.098.200\text{đ})$ ). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009010 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó bà N còn phải nộp tiếp số tiền là 30.744.000 đồng.

- Buộc bà Vũ Thị K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với kỹ phần thừa kế được hưởng là 31.026.000 đồng ( $676.098.200 \text{ đồng} = 20.000.000\text{đ} + 4\% (276.098.200\text{đ})$ ). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009009 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó bà K còn phải nộp tiếp số tiền là 30.744.000 đồng.

- Buộc ông Vũ Mạnh T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với kỹ phần thừa kế được hưởng là 31.044.000 đồng ( $676.098.200 \text{ đồng} = 20.000.000\text{đ} + 4\% (276.098.200\text{đ})$ ). Do ông T có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông T thuộc diện người cao tuổi được miễn án phí do đó HĐXX miễn toàn bộ án phí cho ông T.

- Buộc chị Vũ Thị Kiều T1 phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009356 ngày 13/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị T1 không phải nộp thêm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009355 ngày 13/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

***Vì các lẽ trên;***

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các 166, 167, 179 Luật đất đai; Điều 609; 612, 613, 623 649, 650, 651, 660 BLDS;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**\* Tuyên Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K về yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ Phạm Thị Ty để lại theo quy định của pháp luật.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Thị Ty để lại gồm: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất số BX 048108 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2014 đứng tên bà Phạm Thị Ty có diện tích là 4.200m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 305, tờ bản đồ số 1 (Đo đạc thực tế là 4.800m<sup>2</sup> theo tờ trích đo địa chính số TĐ 25-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất). Quyền sử dụng đất giấy chứng nhận QSD đất số AD 703629 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 27/4/2006 đứng tên bà Phạm Thị Ty có diện tích là 20.000m<sup>2</sup>) tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 01 (Đo đạc thực tế là 19.276,3m<sup>2</sup>, theo tờ trích đo địa chính số TĐ 24-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất) các phần đất nêu trên đều tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và số tiền mặt là 145.111.000 đồng.

3. Xác định hành thừa kế theo pháp luật của cụ Ty gồm: Ông Vũ Mạnh T, bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K.

4. Giữ nguyên hiện trạng và tạm giao căn nhà có diện tích là 106,2m<sup>2</sup> gắn liền với phần sân nền có diện tích là 90,7m<sup>2</sup>, cổng rào có diện tích là 41,106m<sup>2</sup>; khu mộ có diện tích là 57,5m<sup>2</sup> tại thửa số 2 theo tờ trích đo địa chính số 24-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất cho ông T tiếp tục quản lý.

5. Giữ nguyên hiện trạng phần đất có diện tích là  $100,8\text{m}^2$  tại thửa số 2 theo tờ trích đo địa chính số 24-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất làm lối đi chung.

6. Di sản thừa kế tại thửa số 2 sau khi trừ đi tổng diện tích căn nhà, đường vào khu mộ, khu mộ và phần đất thuộc hành lang an toàn giao thông là  $264,5\text{m}^2$  thì tài sản số 2 còn lại để chia là  $19.096,3\text{m}^2 : 3 = 6.365,4\text{m}^2$ .

7. Chia di sản cụ Phạm Thị Ty để lại như sau:

7.1. Chia cho ông Vũ Mạnh T được toàn quyền quản lý và sử dụng phần đất có diện tích là  $4.200\text{m}^2$  (theo giấy chứng nhận QSD đất số BX 048108 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2014 đứng tên bà Phạm Thị Ty có diện tích là  $4.200\text{m}^2$ ), tại thửa đất số 305, tờ bản đồ số 1, phần đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cùng toàn bộ cây trồng trên đất.

7.2. Buộc ông Vũ Mạnh T phải trả cho bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K mỗi người số tiền là 99.400.000 đồng tương đương với 1 kỷ phần mà bà N và bà K được hưởng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tạm giao phần đất có tổng diện tích  $600\text{m}^2$  nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi cho ông Vũ Mạnh T tiếp tục quản lý sử dụng. Khi nào ông T có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai thì ông Vũ Mạnh T có quyền làm thủ tục kê khai đăng ký đến các cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo đúng quy định của pháp luật.

(Kèm theo tờ trích đo địa chính số TĐ 25-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất).

Ông Vũ Mạnh T có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để đi đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 305, tờ bản đồ số 1, diện tích đo đạc

thực tế là 4.800m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận QSD đất số BX 048108 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2014 đứng tên bà Phạm Thị Ty.

Buộc chị Vũ Thị Kiều T1 giao trả giấy chứng nhận QSD đất bản chính số BX 048108 do Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2014 tên Phạm Thị Ty cho ông Vũ Mạnh T quản lý khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp chị Vũ Thị Kiều T1 không giao giấy chứng nhận QSD đất nêu trên thì ông Vũ Mạnh T có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để đăng ký cấp lại giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật. Ông Vũ Mạnh T có quyền và nghĩa vụ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để làm thủ tục đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động thửa đất nói trên theo quy định của pháp luật.

7.3. Chia cho bà Vũ Thị N toàn quyền quản lý và sử dụng phần đất có diện tích diện tích 6.365,4 m<sup>2</sup>, cùng các cây trồng gắn liền trên đất (thửa số 1 tờ trích đo địa chính số TĐ 24-2022). Tạm giao cho bà Vũ Thị N phần đất có diện tích là 66,3m<sup>2</sup> nằm trong hành lang an toàn giao thông.

(Kèm theo tờ trích đo địa chính số TĐ 24-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất).

7.4. Chia cho ông Vũ Mạnh T toàn quyền quản lý và sử dụng phần đất có diện tích là 6.100,9m<sup>2</sup> (sau khi trừ phần có căn nhà diện tích là 106,2m<sup>2</sup>, khu mộ 57,5m<sup>2</sup>, đường vào khu mộ có diện tích 100,8m<sup>2</sup>), cùng các cây trồng gắn liền trên đất (thửa số 2 tờ trích đo địa chính số TĐ 24-2022). Tạm giao cho ông Vũ Mạnh T tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là 58,1m<sup>2</sup> nằm trong hành lang an toàn giao thông.

(Kèm theo tờ trích đo địa chính số TĐ 24-2022 ngày 16/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất).

7.5. Chia cho bà Vũ Thị K toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là 6.355,7m<sup>2</sup> (sau khi trừ đi phần diện tích nhà 9,7m<sup>2</sup>), cùng các cây trồng gắn liền trên đất (thửa số 3 tờ trích đo địa chính số TĐ 24-2022). Tạm giao cho bà Vũ Thị K quản lý, sử dụng phần đất có diện tích là 55,6m<sup>2</sup> nằm trong hành lang an toàn giao thông.

(Kèm theo tờ trích đo địa chính số TĐ 24-2022 của Chi nhánh VP đăng ký đất đai huyện Hòn Đất, biên bản biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất).

Buộc bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K cùng liên đới phải trả cho ông Vũ Mạnh T số tiền là 21.953.500 đồng đối với phần tài sản chênh lệch được hưởng ( $264,5\text{m}^2 \times 83.000 \text{ đồng/m}^2$ ).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Vũ Mạnh T, bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để đi đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với phần đất nêu trên tại tài sản số 2.

7.6. Buộc ông Vũ Mạnh T phải trả cho bà Vũ Thị N số tiền là 48.370.000 đồng và trả cho bà Vũ Thị K số tiền là 48.370.000 đồng (tài sản số 3).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K đối với việc rút yêu cầu khởi kiện chia số tiền mặt 174.889.000 đồng và 03 chỉ vàng 24kara.

9. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị K đối với việc không yêu cầu bà N phải trả lại giá trị diện tích đất là  $9,7\text{m}^2$ .

10. Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của chị Vũ Thị Kiều T1 đối với yêu cầu công nhận phần đất có diện tích  $4.200\text{m}^2$ , thuộc thửa số 305, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp Sơn Thái, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (tài sản số 1) cho chị quản lý, sử dụng.

11. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc D do bà D tự nguyện rút yêu cầu.

12. Buộc ông Phạm Văn T3 có trách nhiệm liên đới cùng với chị Vũ Thị Kiều T1 giao trả phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 4.800m<sup>2</sup> thửa đất số 305, tờ bản đồ số 1, theo giấy chứng nhận QSD đất số BX 048108 do UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 31/12/2014 đứng tên bà Phạm Thị Ty nêu trên cho ông Vũ Mạnh T. Trường hợp trong quá trình thi hành án mà phía ông T3 không còn quản lý sử dụng phần đất này thì ông Phạm Văn T3 không cần phải liên đới với chị T1 trả lại phần đất này cho ông T.

13. Buộc ông Mai Ngọc D1 có trách nhiệm liên đới cùng với ông Vũ Mạnh T giao trả phần đất có diện tích tại thửa số 1 và thửa số 3 theo tờ trích đo địa chính số 24-2022 của Chi nhánh VPĐK ĐĐ huyện Hòn Đất cho bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K. Trường hợp trong quá trình thi hành án mà phía ông D1 không còn quản lý sử dụng phần đất này thì ông Mai Ngọc D1 không cần phải liên đới với ông T trả lại phần đất này cho bà N và bà K.

14. Buộc ông Mai Ngọc D1 có trách nhiệm giao trả phần đất có diện tích tại thửa số 2 theo tờ trích đo địa chính số 24-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòn Đất cho ông Vũ Mạnh T. Trường hợp trong quá trình thi hành án mà phía ông D1 không còn quản lý sử dụng phần đất này thì ông Mai Ngọc D1 không cần phải trả lại phần đất này cho ông T.

15. Về án phí:

- Buộc bà Vũ Thị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với kỷ phần thừa kế được hưởng là 31.044.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số 0009010 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó bà N còn phải nộp tiếp số tiền là 30.744.000 đồng.

- Buộc bà Vũ Thị K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với kỷ phần thừa kế được hưởng là 31.044.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009009 ngày

23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó bà K còn phải nộp tiếp số tiền là 30.744.000 đồng.

- Buộc ông Vũ Mạnh T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với kỷ phần thừa kế được hưởng là 31.044.000 đồng. Do ông T có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T2ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông T thuộc diện người cao tuổi được miễn án phí do đó HĐXX miễn toàn bộ án phí cho ông T.

- Buộc chị Vũ Thị Kiều T1 phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009356 ngày 13/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị T1 không phải nộp thêm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số 0009355 ngày 13/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

#### 16. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Buộc ông Vũ Mạnh T, bà Vũ Thị N và bà Vũ Thị K mỗi người phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 7.541.000 đồng. Buộc ông T và bà K mỗi người phải trả cho bà N số tiền là 7.541.000 đồng (do bà N đã tạm ứng trước đây).

17. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân*

*sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn A**